

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **160/2020/KDTM-ST**
Ngày: 30/12/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa Bên toà: Ông **Nguyễn Lâm Bình**.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Mai**.

Ông **Dương Xuân Đỉnh**.

- ***Thư ký Bên toà:*** Ông **Nguyễn Đăng Hùng** – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia Bên toà:*** Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 105/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn Bên toà số 73/2020/QĐ-TA ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ trụ sở: Số 442 M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh T.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Bà **Nguyễn Thị U** - Nhân viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP A.

Bị đơn: 1. Anh **Nguyễn Thế B**, sinh năm 1988.

2. Chị **Lê Thị Bích C**, sinh năm 1989.

Đều có địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà U. Vắng mặt: Anh B, chị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 13/12/2019, Ngân hàng TMCP A và vợ chồng anh **Nguyễn Thế B**, chị **Lê Thị Bích C** có ký Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 trên cơ sở của Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DOA.CN.139.031017 ngày 03/10/2017 với một số nội dung cơ bản như sau:

- Ngân hàng cho anh B, chị C vay số tiền là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng;
- Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 13/12/2019.
- Mục đích vay để sản xuất kinh doanh.
- Lãi suất vay trong hạn là 12%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/ lần theo công thức: Lãi suất = LS13+ 5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm.

Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền vay 1.000.000.000 đồng cho anh B, chị C.

Ngoài ra, ngày 16/10/2018, anh B còn được Ngân hàng TMCP A cấp 01 thẻ Visa Platinum (Thẻ tín dụng quốc tế) với nội dung:

- Số thẻ: 4365991000306689;
- Hạn mức thẻ: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng;
- Hiệu lực thẻ: Tháng 10 năm 2021;

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên của anh B, chị C là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44-1, tờ bản đồ số 84, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 743469 do Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp cho anh Nguyễn Thế B ngày 22/8/2016 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 4333.2016/HĐTC lập ngày 23/9/2016 tại Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ở trên, anh B, chị C đã vi phạm hợp đồng (Chậm trả gốc và lãi vay hàng tháng). Ngân hàng đã phải nhiều lần thông báo, đôn đốc anh B, chị C thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho ngân hàng nhưng anh B, chị C vẫn vi phạm, chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ. Ngày 20/5/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng thẻ sang quá hạn. Tiếp đó, ngày 10/7/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 sang quá hạn. Đồng thời ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với 02 khoản vay này.

Tính đến thời điểm ngày 20/11/2020, anh B, chị C còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 ngày 13/12/2019:
- + Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng;
- + Lãi trong hạn: 75.442.192 đồng;
- + Lãi quá hạn: 60.826.027 đồng;
- + Phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ: 2.564.915 đồng;
- Tổng cộng **1.138.833.134** đồng.
- Đối với Hợp đồng tín dụng thẻ:
- + Nợ gốc: 48.420.369 đồng;
- + Lãi quá hạn: 8.095.262 đồng;
- Tổng cộng **56.515.631** đồng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu:

- Anh B, chị C có nghĩa vụ trả nợ tạm tính đến ngày 20/11/2020 cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc lãi như đã nêu trên và tiền lãi phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận

trong các Hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan đã ký kết kể từ ngày 20/11/2020 cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết khoản nợ.

- Nếu trường hợp anh B, chị C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44-1, tờ bản đồ số 84, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 743469 do Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp cho anh Nguyễn Thế B ngày 22/8/2016.

*** Đồng bị đơn anh Nguyễn Thế B trình bày:**

Vào năm 2019, vợ chồng anh có ký kết Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 với Ngân hàng TMCP A để vay vốn của Ngân hàng. Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng với thời hạn 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận giữa hai bên. Trước đó vào năm 2018, anh còn vay của Ngân hàng TMCP A số tiền 50.000.000 đồng và được cấp 01 thẻ Visa Platinum (Thẻ tín dụng quốc tế). Anh xác nhận chữ ký trong các Hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan đến việc vay, rút vốn là của vợ chồng anh và quá trình ký kết, thực hiện các Hợp đồng tín dụng như Ngân hàng TMCP A trình bày là đúng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay của vợ chồng anh là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44-1, tờ bản đồ số 84, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 743469 do Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp cho anh Nguyễn Thế B ngày 22/8/2016.

Trên thực tế, sau khi được Ngân hàng giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng, anh là người sử dụng sử dụng toàn bộ số tiền trên. Chị C (Vợ anh) chỉ cùng đứng tên vay trong hợp đồng chứ không sử dụng tiền.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, thời gian đầu, anh vẫn trả nợ đều tiền lãi hàng tháng cho ngân hàng. Tuy nhiên, đến đầu năm 2020, do việc làm ăn của anh gặp khó khăn nên chưa trả được nợ lãi cho Ngân hàng và Ngân hàng đã khởi kiện vợ chồng anh.

Anh xác định nghĩa vụ trả nợ là của một mình anh, không liên quan đến chị C. Hiện nay, vợ chồng anh đã ly thân được khoảng 02 năm, chị C chuyển về nhà bố mẹ để chị sinh sống. Nay, do điều kiện kinh tế khó khăn như đã trình bày ở trên, anh đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho anh có một khoảng thời gian hợp lý để trả nợ. Trường hợp anh không trả được nợ thì anh xin tự bán tài sản thế chấp để trả nợ.

*** Đồng bị đơn chị Lê Thị Bích C vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án cũng như các Bên tòa nên không có ý kiến trình bày.**

Tại phiên tòa:

* Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu khởi kiện và nộp bổ sung bảng kê tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (30/12/2020) và yêu cầu:

- Anh B, chị C có nghĩa vụ trả nợ tạm tính đến ngày 30/12/2020 cho Ngân hàng TMCP A số tiền:

Đối với Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 ngày 13/12/2019:

+ Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng;
+ Lãi trong hạn: 75.442.192 đồng;
+ Lãi quá hạn: 81.373.973 đồng;
+ Phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ: 3.070.593 đồng;
Tổng cộng **1.159.886.758** đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng thế:

+ Nợ gốc: 48.420.369 đồng;
+ Lãi quá hạn: 9.855.102 đồng;
Tổng cộng **58.275.471** đồng.

Đồng thời, anh B, chị C phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan đã ký kết kể từ ngày 30/12/2020 cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết khoản nợ.

- Nếu trường hợp anh B, chị C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44-1, tờ bản đồ số 84, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 743469 do Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp cho anh Nguyễn Thế B ngày 22/8/2016.

* Các đồng bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng. Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật. Các đồng bị đơn chưa chấp hành tốt pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 30/12/2020 là:

Đối với Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 ngày 13/12/2019:

+ Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng;
+ Lãi trong hạn: 75.442.192 đồng;
+ Lãi quá hạn: 81.373.973 đồng;
+ Phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ: 3.070.593 đồng;
Tổng cộng **1.159.886.758** đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng thế:

+ Nợ gốc: 48.420.369 đồng;
+ Lãi quá hạn: 9.855.102 đồng;
Tổng cộng **58.275.471** đồng.

Và tiền lãi phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan đã ký kết kể từ ngày 30/12/2020 cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết khoản nợ.

- Nếu trường hợp anh B, chị C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44-1, tờ bản đồ số 84, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

- Về án phí: Vụ án áp dụng án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Bên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Bên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, mục đích sử dụng tiền vay là để sản xuất kinh doanh, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thế B, chị Lê Thị Bích C đang cư trú tại địa bàn huyện Đông Anh. Như vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập cho bị đơn. Tuy nhiên, chị C không chấp hành các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, không lên Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, vắng mặt tại các buổi tiến hành tố tụng gây khó khăn và làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 ngày 13/12/2019 và Hợp đồng tín dụng thế:

- Về chủ thể giao kết hợp đồng: Ngân hàng TMCP A là pháp nhân được thành lập hợp pháp và hoạt động trong các lĩnh vực theo Giấy phép thành lập và hoạt động, trong đó có hoạt động cấp tín dụng. Anh B, chị C đều có đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng hợp pháp về chủ thể.

- Về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản, các bên đã ký tên, đóng dấu xác nhận nên hợp đồng hợp pháp về hình thức.

- Về nội dung: Các điều khoản trong hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Các bên thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, đã tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận, thừa nhận không bị lừa dối, ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[3] Về tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp:

Về chủ thể giao kết hợp đồng: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A và anh Nguyễn Thế B. Ngân hàng TMCP A có đủ tư cách pháp

nhân. Anh B có đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng hợp pháp về chủ thể.

- Về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản, các bên đã ký tên, đóng dấu xác nhận và đã được Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội công chứng ngày 23/9/2016 nên hợp đồng hợp pháp về hình thức.

- Về nội dung:

Về tài sản thế chấp: Theo Điều 1 của Hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44-1, tờ bản đồ số 84, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 743469 do Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp cho anh Nguyễn Thế B ngày 22/8/2016. Giữa anh B và chị C cũng có Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng số 1405/2016/VBTT do Văn phòng công chứng Hà Anh chứng nhận ngày 10/8/2016. Do đó, xác định tài sản thế chấp thuộc toàn quyền quản lý, sử dụng của anh Nguyễn Thế B.

Việc thế chấp tài sản bảo đảm nêu trên đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Các bên thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, đã tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận, thừa nhận không bị lừa dối, ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi: Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 ngày 13/12/2019 có thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 13/12/2019. Hợp đồng tín dụng thẻ có hiệu lực thẻ đến tháng 10 năm 2021. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân của bên cho vay. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên theo Điều 6.1, Điều 7 của Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DOA.CN.139.031017 ngày 03/10/2017; Các điều khoản trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, nguyên đơn có căn cứ yêu cầu thu hồi nợ trước hạn, chuyển các khoản nợ gốc sang quá hạn từ ngày liền sau của ngày bị đơn phải thanh toán nợ cho nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thế B xác định nghĩa vụ trả nợ là của một mình anh, không liên quan đến chị Lê Thị Bích C. Tuy nhiên, chị C không lên Tòa án làm việc, không có văn bản cung cấp ý kiến nên không có căn cứ xác định đây là khoản nợ riêng của anh B. Nghĩa vụ trả nợ được xác định liên đới của cả anh B và chị C.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về yêu cầu trả tiền nợ gốc và nợ lãi:

Xét thấy, sự thỏa thuận về điều kiện thu hồi nợ trước hạn, về tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của các bên trong trường hợp thu hồi nợ trước hạn là không vi phạm pháp luật. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ cần được chấp nhận. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 20/5/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng thẻ sang quá hạn. Tiếp đó, ngày 10/7/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 sang quá hạn, do đó nguyên đơn được tính lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tín dụng.

Như vậy, xác định số tiền anh B, chị C phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 30/12/2020 là:

Đối với Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 ngày 13/12/2019:

- + Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng;
- + Lãi trong hạn: 75.442.192 đồng;
- + Lãi quá hạn: 81.373.973 đồng;
- + Phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ: 3.070.593 đồng;
- Tổng cộng **1.159.886.758** đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng thế:

- + Nợ gốc: 48.420.369 đồng;
- + Lãi quá hạn: 9.855.102 đồng;
- Tổng cộng **58.275.471** đồng.

- Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Theo hợp đồng thế chấp, anh Nguyễn Thế B đã dùng tài sản của mình là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44-1, tờ bản đồ số 84, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội Theo Điều 3 của Hợp đồng thế chấp, nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm toàn bộ các khoản vay của anh B, chị C tại Ngân hàng TMCP A, trong đó có nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi, phí, các khoản phải trả khác...vv. Anh B khẳng định hiện trạng thửa đất thế chấp và các tài sản gắn liền với đất không có sự thay đổi kể từ khi thế chấp.

Do đó, trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 317; 323; 324; 355; 463; 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án ;

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.
2. Buộc anh Nguyễn Thế B, chị Lê Thị Bích C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền là:

Đối với Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 ngày 13/12/2019:

- + Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng;
- + Lãi trong hạn: 75.442.192 đồng;
- + Lãi quá hạn: 81.373.973 đồng;
- + Phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ: 3.070.593 đồng;

Tổng cộng **1.159.886.758** đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng thẻ:

- + Nợ gốc: 48.420.369 đồng;
- + Lãi quá hạn: 9.855.102 đồng;

Tổng cộng **58.275.471** đồng.

Tổng dư nợ của cả hai khoản vay: 1.218.162.229 (Một tỷ hai trăm mười tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi chín) đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 30/12/2020), anh Nguyễn Thế B, chị Lê Thị Bích C vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2481.061219 ngày 13/12/2019 và Hợp đồng tín dụng thẻ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp anh B, chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ, Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44-1, tờ bản đồ số 84, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 743469 do Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp cho anh Nguyễn Thế B ngày 22/8/2016.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thế B, chị Lê Thị Bích C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **48.544.866** (Bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi sáu) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **22.999.000** (Hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn) đồng theo Biên lai số **17634** ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ BÊN TOÀ**

Nguyễn Lâm Bình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA BÊN TÒA

